

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS KIM SƠN

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-THCS ngày 10/01/ 2019 của trường THCS Kim Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: : Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ (khác)
I	Quyết toán thu	437,574,250	437,574,250			
1	Tổng số thu	437,574,250	437,574,250			
1.1	Số thu phí, lệ phí	197,340,000	197,340,000			
1.2	Thu khác	240,234,250	240,234,250			
b	Tiếng anh nước ngoài	170,861,750	170,861,750			
c	Nước uống					
d	Gửi xe	53,140,000	53,140,000			
e	BHYT học sinh					
h	Chăm sóc SKBD	16,232,500	16,232,500			
II	Quyết toán Chi					
2	Tổng số chi	437,925,330	437,925,330			
2.1	Chi từ nguồn thu được để lại	197,340,000	197,340,000			
2.2	Chi khác	240,585,330	240,585,330			
b	Tiếng anh nước ngoài	171,570,250	171,570,250			
c	Nước uống					
d	Gửi xe	53,140,000	53,140,000			
e	BHYT học sinh					
h	Chăm sóc SKBD	15,875,080	15,875,080			
C	Số thu nộp NSNN					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3,435,940,000	3,435,940,000			
1	Chi Tiền lương (6000)	1,087,748,003	1,087,748,003			
2	Chi Tiền công (mục 6050	3,743,900	3,743,900			
3	Chi phụ cấp lương (6100)	585,607,535	585,607,535			
		15,940,000	15,940,000			
4	Chi thưởng (6200)	8,430,000	8,430,000			
5	Chi phúc lợi TT (6250)					

6	Các khoản đóng góp(6300)	329,905,234	329,905,234			
7	Các thanh toán khác (6400)	65,280,000	65,280,000			
8	Chi DVCC (6500)	51,446,158	51,446,158			
9	Chi vật tư văn phòng(6550)	157,690,000	157,690,000			
10	Chi thông tin LL(6600)	20,600,320	20,600,320			
11	Mục 6650: Hội nghị					
12	Chi công tác phí(6700)	30,580,000	30,580,000			
13	Chi thuê mướn(6750)	60,267,200	60,267,200			
14	Chi Sửa chữa (6900)	671,508,000	671,508,000			
15	Chi mua tài sản (6950)	119,850,000	119,850,000			
16	Chi nghiệp vụ CM(7000)	181,707,200	181,707,200			
17	Chi mua TSCĐ vô hình (7050)	16,000,000	16,000,000			
18	Chi khác (7750)	29,636,450	29,636,450			
1	Chi quản lý hành chính					
2	Nghiên cứu khoa học					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					

Đông Triều, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lập biểu

Hiệu trưởng

Vũ Thị Cúc

Đặng Thị Thảo